

Số: 02/2022/QĐCNHGT-DS

Châu Thành, ngày 15 tháng 8 năm 2022

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN**

Căn cứ các điều 32, 33, 34 và 35 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;  
Căn cứ vào yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành của bà Ngô Thị Thanh P,  
bà Nguyễn Thị Út K, ông Đặng Thanh L;  
Sau khi nghiên cứu:

- Đơn khởi kiện tranh chấp hợp đồng góp hui đề ngày 06 tháng 7 năm 2022 của  
bà Ngô Thị Thanh P;

- Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 7 năm 2022 về việc thỏa  
thuận giải quyết toàn bộ tranh chấp của các bên tham gia hòa giải sau đây:

*Người khởi kiện:*

- Bà Ngô Thị Thanh P, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Ấp P, xã Q, huyện C, tỉnh Bến Tre.

*Người bị kiện:*

- Bà Nguyễn Thị Út K, sinh năm 1974.

- Ông Đặng Thanh L, sinh năm 1970.

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện C, tỉnh Bến Tre.

- Các tài liệu kèm theo Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải do Hòa giải viên  
chuyển sang Tòa án và các tài liệu do Tòa án thu thập được theo quy định tại khoản  
2 Điều 32 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án (nếu có).

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Kết quả hòa giải thành được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải ngày  
28 tháng 7 năm 2022 có đủ các điều kiện quy định tại Điều 33 của Luật Hòa giải,  
đối thoại tại Tòa án.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1.** Công nhận kết quả hòa giải thành của các bên được ghi trong Biên bản ghi  
nhận kết quả hòa giải ngày 28 tháng 7 năm 2022, cụ thể như sau:

- Bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho  
bà Ngô Thị Thanh P số tiền hui còn nợ tổng cộng là 37.000.000 (ba mươi bảy triệu)  
đồng. Cách thức trả, phương thức và thời gian trả cụ thể như sau:

- + Vào ngày 28/8/2022, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 3.000.000 (*Ba triệu đồng*).
- + Vào ngày 28/9/2022, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/10/2022, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/11/2022, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/12/2022, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/01/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/02/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/3/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/4/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/5/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/6/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.
- + Vào ngày 28/7/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/8/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/9/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/10/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/11/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/12/2023, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/01/2024, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/02/2024, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/3/2024, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/4/2024, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/5/2024, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/6/2024, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.500.000 (*Một triệu năm trăm nghìn*) đồng.

+ Vào ngày 28/7/2024, bà Nguyễn Thị Út K và ông Đặng Thanh L có trách nhiệm liên đới trả cho bà Ngô Thị Thanh P số tiền 1.000.000 (*Một triệu*) đồng..

Kể từ khi quyết định có hiệu lực pháp luật, đồng thời có đơn yêu cầu thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành

xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 cho đến khi thi hành xong.

Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**2.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày ký, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bến Tre (P.GĐKT);
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Huỳnh Minh Hiền**